BẢN ĐỒ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

DỰ ÁN: LẬP PHƯƠNG ÁN HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH TRÀ VINH

1,5

CHỈ DẪN

I - CHẤT LƯỢNG NƯỚC CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

I.1 - Đối tượng không liên tục mục đích sử dụng

Tầng chứa nước	Ký hiệu	Diện tích phân bố (km²)	Độ sâu phân bố (m)	Đối tượng không liên tục: <1,0	1,0 - 1,5	1,5 - 3,0	3,0 - 5,0	5,0 - 10,0	>10,0
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Holocen	qh	2,304	11-6						
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Pleistocen trên	qp$_3$	2,345	36-3						
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Pleistocen giữa trên	qp$_{2-3}$	2,345	49-3						
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Pleistocen dưới	qp$_1$	2,345	71-4						
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Pleistocen giữa	(n,)$_2$	2,345	77-2						
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Pleistocen dưới	(n,)$_1$	2,345	56-4						
Tầng chứa nước lỗ hổng trầm Miocen trên	(n,)$_3$	2,345	>115-0						
Mực nước sử dụng				Nên khai thác phục vụ cho mục đích sinh hoạt	Nên khai thác phục vụ cho mục đích sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp	Nên khai thác phục vụ cho mục đích sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp	Nên khai thác phục vụ cho mục đích sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp	Nên khai thác phục vụ cho mục đích công nghiệp, nông nghiệp	Nên khai thác phục vụ cho mục đích nông nghiệp

Đối tượng không liên tục về chất lượng nước

- Tầng chứa nước Holocen (qh): Nhiễm mặn
- Tầng chứa nước Pleistocen trên (qp$_3$): Nhiễm mặn
- Tầng chứa nước Pleistocen giữa trên (qp$_{2-3}$): Nhiễm mặn
- Tầng chứa nước Pleistocen dưới (qp$_1$): Nhiễm mặn
- Tầng chứa nước Pleistocen giữa (n,)$_2$: Nhiễm mặn
- Tầng chứa nước Pleistocen dưới (n,)$_1$: Nhiễm mặn
- Tầng chứa nước Miocen trên (n,)$_3$: Nhiễm mặn

Mực nước sử dụng	<1,0	1,0 - 1,5	1,5 - 3,0	3,0 - 10,0	>10,0
Nhiễm mặn					

I.2 - Giới hạn ô nhiễm nước dưới đất

Các nguyên tố độc hại, hợp chất vô cơ và hợp chất hữu cơ nguy hiểm (theo QCVN 09:2015/BTNMT)

- As, Hg: Các nguyên tố hóa học nhóm A
- Cr, Pb, Cd, Ni, Cu, Zn, Mn, Fe: Các nguyên tố hóa học nhóm B

Nhiễm vi khuẩn: Tổng vi khuẩn

- Nhiễm vi khuẩn: Nhóm các hợp chất Nitro (Nitrat, Nitrit, vi amoni)
- Nhiễm các nguyên tố vô hoàng (arsenic, phenol, asen, sunfuat, clo, crom VI, thủy ngân, selen, mangan, thủy ngân, tổ vi khuẩn)
- Nhiễm các hợp chất hữu cơ (DDT và Lindane)
- Nhiễm VI sinh vật, dầu mỏ, CO và vô Cacbonic

II - THÀNH PHẦN HÓA HỌC TẠI ĐIỂM KHẢO SÁT

II.1 - Các thành phần hóa học

Các cation

- Ca^{2+}: Canxi
- HCO_3^-: Hydrocacbonat
- Na^+: Natri
- Cl^-: Clorua
- SO_4^{2-}: Sunfat
- Mg^{2+}: Magie
- Hỗn hợp

III - CÁC KÍ HIỆU VÀ KANH GIỚI

III.1 - Các kí hiệu

- Số liệu:
  - Số thứ tự điểm nước
  - Độ sâu lấy mẫu (m)
  - Độ tổng khoáng hóa (g/l)
- Giá giếc khảo sát
- Chứa nước
- Địa hình chứa nước
- Không xác định khả năng chứa nước
- Lớp chứa nước hoạt thể địa chất không chứa nước

III.2 - Các đường cách giới

Đường cơ sở giới hạn phía biển

- Ranh giới tầng chứa nước thứ nhất
- Ranh giới tầng chứa nước Holocen

Ranh giới nước nhạt 96‰ (g/l) của các tầng

(Đường nét gạch vẽ cùng với giá trị 96‰ (g/l))

- Ranh giới nước mặn tầng chứa nước Holocen
- Ranh giới nước mặn tầng chứa nước Pleistocen trên
- Ranh giới nước mặn tầng chứa nước Pleistocen giữa trên
- Ranh giới nước mặn tầng chứa nước Pleistocen giữa
- Ranh giới nước mặn tầng chứa nước Pleistocen dưới
- Ranh giới nước mặn tầng chứa nước Miocen trên
- Ranh giới tầng chứa nước nơi nối tiếp
- Ranh giới tầng có tầng chứa nước hỗn hợp nhau
- Ranh giới địa chất nơi nối tiếp

IV - KÝ HIỆU TRÊN MẶT CẮT

I.1 Khoan khô mặt cắt

- 0- Số hiệu
- 1- Chiều sâu (m)
- b1, b2, ..bn - Chiều sâu tầng hoàn lớp (m)
- n.1, n.2 ..Nhiễm mặn tầng hoàn (m)

Độ tổng khoáng hóa (g/l)

Không xác định khả năng chứa nước	<1,0	1,0 - 1,5	1,5 - 3,0	3,0 - 10,0	>10,0
Các đường bắt nối					
CÔNG THỨC KURLOV	$M_{(1,0-1,5)}$	$\frac{HCO_3^-}{Mg_{25}Ca_{75}}$	$pH_{6,5}$		

V - CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- Tuyến mặt cắt và số hiệu
- Địa giới xã
- Địa giới huyện
- Địa giới tỉnh
- Biển giới
- Đường sắt
- Đường nhà, giới hạn
- Đường, đê bờ
- Sông, suối và ao
- Nhiễm độc asen và giếc khai thác asen (as)

TỶ LỆ 1:25.000

Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trục 105° 00', múi 3°

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN NAM		
		Bản vẽ số	Tỷ lệ: 1: 25.000	Năm 2024
		Tên bản vẽ	Bản đồ chất lượng nước dưới đất	
		Người thành lập		Th. Nguyễn Văn Dũ
		Người kiểm tra		THS. Ngô Văn Đạt
		Lãnh đạo trường		